

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục và quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1218/QĐ-BXD ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được thay thế trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1390/QĐ-BXD ngày 21 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng.

QUYẾT ĐỊNH:

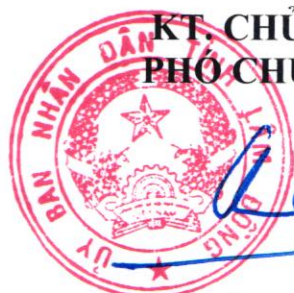
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục và quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Xây dựng; Giám đốc/Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *mm*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm thông tin;
- Lưu: VT, HCC.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hồng Hải

DANH MỤC VÀ QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
MỐI BAN HÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BỎ LĨNH VỰC QUY HOẠCH ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP TỈNH, CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG
(Kèm theo Quyết định số: 1245 /QĐ-UBND ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (10 TTHC)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (05 TTHC)				
1	Thẩm định quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập Mã TTHC: 1.014157	30 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí	- Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; - Luật Tổ chức chính quyền địa phương; - Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; - Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn; - Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn.
2	Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập Mã TTHC: 1.014155	15 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí	- Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; - Luật Tổ chức chính quyền địa phương; - Nghị định số 178/2025/NĐ-CP; - Nghị định số 145/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2025/TT-BXD.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
3	Cung cấp thông tin quy hoạch đô thị và nông thôn Mã TTHC: 1.014159	10 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí	- Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; - Luật Tổ chức chính quyền địa phương; - Nghị định số 178/2025/NĐ-CP; - Nghị định số 145/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2025/TT-BXD.
4	Phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập Mã TTHC: 1.014158	15 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí	- Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; - Luật Tổ chức chính quyền địa phương; - Nghị định số 178/2025/NĐ-CP; - Nghị định số 145/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2025/TT-BXD.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
5	Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập Mã TTHC: 1.014156	7 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí	- Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; - Luật Tổ chức chính quyền địa phương; - Nghị định số 178/2025/NĐ-CP; - Nghị định số 145/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2025/TT-BXD.
II	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (05 TTHC)				
1	Thẩm định quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập Mã TTHC: 1.014157	30 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí	- Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; - Luật Tổ chức chính quyền địa phương; - Nghị định số 178/2025/NĐ-CP; - Nghị định số 145/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2025/TT-BXD.
2	Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập Mã TTHC: 1.014155	15 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí	- Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; - Luật Tổ chức chính quyền địa phương; - Nghị định số 178/2025/NĐ-CP; - Nghị định số 145/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2025/TT-BXD.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
3	Cung cấp thông tin quy hoạch đô thị và nông thôn Mã TTHC: 1.014159	10 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí	- Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; - Luật Tổ chức chính quyền địa phương; - Nghị định số 178/2025/NĐ-CP; - Nghị định số 145/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2025/TT-BXD.
4	Phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập Mã TTHC: 1.014158	15 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí	- Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; - Luật Tổ chức chính quyền địa phương; - Nghị định số 178/2025/NĐ-CP; - Nghị định số 145/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2025/TT-BXD.
5	Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập Mã TTHC: 1.014156	7 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí	- Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; - Luật Tổ chức chính quyền địa phương; - Nghị định số 178/2025/NĐ-CP; - Nghị định số 145/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2025/TT-BXD.

2. Danh mục thủ tục hành chính bãi bỏ
B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên Văn bản QPPL quy định nội dung bãi bỏ TTHC
1	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã Mã TTHC: 1.008455	- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; - Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ - Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.
2	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp xã Mã TTHC: 1.003141	
3	Thủ tục thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp xã Mã TTHC: 1.002662	

C. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

1. Thẩm định quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập

Mã TTHC: 1.014157

Thời gian giải quyết: 30 ngày

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0.5 ngày

B2	Phân công xử lý	Lãnh đạo phòng Quy hoạch kiến trúc	0.5 ngày
B3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên phòng Quy hoạch kiến trúc	26 ngày
B4	Ký nháy	Lãnh đạo phòng Quy hoạch kiến trúc	01 ngày
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Xây dựng	01 ngày
B6	Đóng dấu, phát hành	Văn thư Sở Xây dựng	01 ngày
B7	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không tính thời gian

2. Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập

Mã TTHC: 1.014155

Thời gian giải quyết: 15 ngày

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0.5 ngày
B2	Phân công xử lý	Lãnh đạo phòng Quy hoạch kiến trúc	0.5 ngày
B3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên phòng Quy hoạch kiến trúc	11 ngày
B4	Ký nháy	Lãnh đạo phòng Quy hoạch kiến trúc	01 ngày
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Xây dựng	01 ngày
B6	Đóng dấu, phát hành	Văn thư Sở Xây dựng	01 ngày
B7	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không tính thời gian

3. Cung cấp thông tin quy hoạch đô thị và nông thôn

Mã TTHC: 1.014159

Thời gian giải quyết: 10 ngày

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0.5 ngày
B2	Phân công xử lý	Lãnh đạo phòng Quy hoạch kiến trúc	0.5 ngày
B3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên phòng Quy hoạch kiến trúc	06 ngày
B4	Ký nháy	Lãnh đạo phòng Quy hoạch kiến trúc	01 ngày
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Xây dựng	01 ngày
B6	Đóng dấu, phát hành	Văn thư Sở Xây dựng	01 ngày
B7	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không tính thời gian

4. Phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập

Mã TTHC: 1.014158

Thời gian giải quyết: 15 ngày

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0.5 ngày
B2	Tiếp nhận hồ sơ tại Văn phòng UBND tỉnh	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	0.5 ngày
B3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Văn phòng UBND tỉnh	10 ngày

B4	Ký nháy hồ sơ trình Lãnh đạo UBND tỉnh	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	01 ngày
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo UBND tỉnh	02 ngày
B6	Đóng dấu, phát hành	Văn thư UBND tỉnh	01 ngày
B7	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không tính thời gian

5. Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập

Mã TTHC: 1.014156

Thời gian giải quyết: 07 ngày làm việc

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0.5 ngày làm việc
B2	Tiếp nhận hồ sơ tại Văn phòng UBND tỉnh	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	0.5 ngày làm việc
B3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Văn phòng UBND tỉnh	3.5 ngày làm việc
B4	Ký nháy hồ sơ trình Lãnh đạo UBND tỉnh	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	01 ngày làm việc
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo UBND tỉnh	01 ngày làm việc
B6	Đóng dấu, phát hành	Văn thư UBND tỉnh	0.5 ngày làm việc
B7	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không tính thời gian

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

1. Thẩm định quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập

Mã TTHC: 1.014157

Thời hạn giải quyết: 30 ngày

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	01 ngày
B2	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng Kinh tế (đối với xã, đặc khu)/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường)	01 ngày
B3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Kinh tế (đối với xã, đặc khu)/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường)	26 ngày
B4	Ký duyệt	Lãnh đạo Phòng Kinh tế (đối với xã, đặc khu)/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường)	01 ngày
B5	Đóng dấu, phát hành	Văn thư Phòng Kinh tế (đối với xã, đặc khu)/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường)	01 ngày
B6	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không tính thời gian

2. Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập

Mã TTHC: 1.014155

Thời hạn giải quyết: 15 ngày

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	01 ngày làm việc

B2	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng Kinh tế (đối với xã, đặc khu)/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường)	01 ngày làm việc
B3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Kinh tế (đối với xã, đặc khu)/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường)	10 ngày làm việc
B4	Ký duyệt	Lãnh đạo Phòng Kinh tế (đối với xã, đặc khu)/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường)	01 ngày làm việc
B5	Đóng dấu, phát hành	Văn thư Phòng Kinh tế (đối với xã, đặc khu)/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường)	01 ngày làm việc
B6	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không tính thời gian

3. Cung cấp thông tin quy hoạch đô thị và nông thôn

Mã TTHC: 1.014159

Thời hạn giải quyết: 10 ngày

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	0.5 ngày
B2	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng Kinh tế (đối với xã, đặc khu)/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường)	0.5 ngày
B3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Kinh tế (đối với xã, đặc khu)/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường)	7.5 ngày
B4	Ký nháy,	Lãnh đạo Phòng Kinh tế (đối với xã, đặc khu)/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường)	0.5 ngày
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo UBND cấp xã	0.5 ngày
B6	Đóng dấu, phát hành	Văn thư Văn phòng HĐND và UBND cấp xã	0.5 ngày
B7	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không tính thời gian

4. Phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập

Mã TTHC: 1.014158

Thời hạn giải quyết: 15 ngày

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	0.5 ngày
B2	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng Kinh tế (đối với xã, đặc khu)/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường)	0.5 ngày
B3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Kinh tế (đối với xã, đặc khu)/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường)	10 ngày
B4	Ký nháy,	Lãnh đạo Phòng Kinh tế (đối với xã, đặc khu)/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường)	01 ngày
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo UBND cấp xã	02 ngày
B6	Đóng dấu, phát hành	Văn thư Văn phòng HĐND và UBND cấp xã	01 ngày
B7	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không tính thời gian

5. Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập

Mã TTHC: 1.014156

Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	0.5 ngày làm việc
B2	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng Kinh tế (đối với xã, đặc khu)/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường)	0.5 ngày làm việc

B3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Kinh tế (đối với xã, đặc khu)/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường)	03 ngày làm việc
B4	Ký nháy,	Lãnh đạo Phòng Kinh tế (đối với xã, đặc khu)/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường)	01 ngày làm việc
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo UBND cấp xã	01 ngày làm việc
B6	Đóng dấu, phát hành	Văn thư Văn phòng HĐND và UBND cấp xã	01 ngày làm việc
B7	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không tính thời gian
